TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HÀ NỘI** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------
Số: **650/2026/QĐST-HNGĐ**	*Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 603/2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn và Chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn", giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn***: Anh **Trần Đức K**, sinh năm 1981, HKTT và cư trú: Thôn B, xã G, thành phố Hà Nội. Hiện ở tại: Phòng 612 Vinhomes O, xã G, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân số: 001081030xxx cấp ngày 29/04/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội .

**** Bị đơn***: Chị **Chu Thị C**, sinh năm 1981, HKTT và cư trú: Thôn B, xã G, thành phố Hà Nội.

Căn cước công dân: 001181028xxx cấp ngày 29/04/2021 Nơi cấp: Cục CSQLHC về trật tự xã hội.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 211, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 11 tháng 06 năm 2026;

XÉT THẤY

Anh Trần Đức K và chị Chu Thị C kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 21/01/2001 (Giấy chứng nhận kết hôn số 07/2001, quyển số 2001) tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện G (nay là xã G), thành phố Hà Nội. Đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống không hạnh phúc nên anh chị thống nhất thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của anh chị được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 06 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. **Công nhận thuận tình ly hôn giữa:** Anh ***Trần Đức K*** và chị ***Chu Thị C***.

2. **Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Trần Thu D, sinh ngày 27/07/2001 và cháu Trần Văn Q, sinh ngày 28/08/2002.

Cháu Trần Thu D và cháu Trần Văn Q đã trên 18 tuổi, sức khỏe bình thường nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Trần Thu D, cháu Trần Văn Q ở với ai do các cháu tự quyết định.

- Về tài sản chung:

+ Về tài sản chung là các đồ dùng sinh hoạt trong gia đình: Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Toà án không xem xét.

+ Về động sản và nhà ở: Anh chị có tài sản chung là 01 nhà đất tại thửa đất số 139, tờ bản đồ số 64, tại thôn B, xã G, thành phố Hà Nội có diện tích 125,3m^2 trên đất có nhà 03 tầng, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA710101 số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CS-GL 25848 ngày 25/12/2020 mang tên chị Chu Thị C và anh Trần Đức K. Số tờ bản đồ, số thửa được xác định theo bản đồ địa chính đo đạc tổng thể. Thửa đất này được tách ra từ thửa đất số 28 (1), tờ bản đồ số 57 tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI203805 do Uỷ ban nhân dân huyện G cấp ngày 24/09/2007 theo hồ sơ số 000483.CL.004.I.

Do anh K, chị C chỉ có một tài sản chung là nhà đất trên, anh chị không có chỗ ở nào khác nên hai bên thống nhất phân chia tài sản chung là toàn bộ nhà đất trên mỗi người nhận ½ giá trị tài sản và nhận tài sản bằng hiện vật, không nhận bằng giá trị tiền.

Căn cứ Luật đất đai năm 2024 và Quyết định số 61/2024/QĐ-UBND ngày 27/09/2024 của UBND thành phố Hà Nội quy định thì diện tích nhà đất trên của anh chị không đủ điều kiện để tách thửa, đồng thời anh K, chị C cũng không có chỗ ở nào khác nên ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận phân chia phần diện tích nhà đất của anh chị chia theo hiện trạng nhà đang xây sẵn, có chênh lệch diện tích nhưng anh chị thống nhất lựa chọn phần diện tích nhà đất được chia. Cụ thể chia như sau:

+) Anh Trần Đức K: Nhận phần nhà đất đã có sẵn diện tích cầu thang đi lên các tầng, mốc giới phân định là mép tường từ cửa chính xuyên xuống hết đất phía sau, được thể hiện tại Trích đo địa chính thửa đất số 462-ĐCTL/2025/HSKT do CTCP Địa chính Thăng Long lập ngày 26/5/2026 được giới hạn bởi các điểm như sau 3-4-9-10-5-6-11-12-3. Diện tích anh Trần Đức K được chia là 65,7m^2. Giá trị bằng tiền là: 65,7m^2 x 45.000.000 đồng/m^2 = 2.956.500.000 đồng, giá trị xây dựng là: 1.132.966.000 đồng chia cho 2 = 566.483.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản anh K được nhận là**: 3.522.983.000 đồng**

+) Chị Chu Thị C : Nhận phần diện tích đất bao gồm toàn bộ phòng thờ, phòng ngủ, công trình phụ (phần diện tích không có cầu thang đi lên các tầng), được thể hiện tại Trích đo địa chính thửa đất số 462-ĐCTL/2025/HSKT do CTCP Địa chính Thăng Long lập ngày 26/5/2026 được giới hạn bởi các điểm như sau 3-12-11-6-1-7-8-2-3. Diện tích chị C được chia là 59,6m^2. Giá trị bằng tiền là: 59,6m^2 x 45.000.000 đồng/m^2 = 2.682.000.000 đồng, giá trị xây dựng là: 1.132.966.000 đồng chia cho 2 = 566.483.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị C được nhận là: **3.248.483.000 đồng.**

Chị Chu Thị C sẽ tự cải tạo phần cầu thang đi lên các tầng của phần diện tích chị được chia trong phần diện tích đất chị được hưởng, chi phí sửa chữa, xây dựng do chị tự chi trả.

Phần tường ngăn giữa hai diện tích của chị Chu Thị C và anh Trần Đức K, chị C sẽ tự bỏ chi phí xây dựng ngăn tường.

Xác định phần nhà đất của chị Chu Thị C và của anh Trần Đức K có chung phần móng nhà (nhà đã xây sẵn). Khi nào các bên tiến hành phân định cải tạo nhà đất này sẽ tách phần móng sau (tách móng và xây lại đúng phần diện tích đất đã được chia).

Ghi nhận sự tự nguyện của chị Chu Thị C không yêu cầu anh Trần Đức K phải thanh toán số tiền chênh lệch giá trị tài sản mà các bên được hưởng.

- Về việc tách thửa và làm lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:

+ Anh Trần Đức K và chị Chu Thị C cam kết tạo điều kiện cho nhau trong việc ký các văn bản, thực hiện thủ tục chia tách thửa đất theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 139, tờ bản đồ số 64, tại thôn B, xã G, thành phố Hà Nội có diện tích 125,3m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DA710101 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 25/12/2020 cho anh Trần Đức K và chị Chu Thị C tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo diện tích đất được phân chia (Có bản vẽ kèm theo).

+ Trường hợp, một trong hai bên có nhu cầu mua bán, chuyển dịch phần nhà đất đã được chia (thuộc thửa đất số 139 tờ bản đồ số 64) thì anh Trần Đức K và chị Chu Thị C cam kết ưu tiên việc mua bán hợp thửa cho nhau trước.

- Về công nợ chung: Anh chị khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không có tranh chấp khiếu kiện gì nên Toà án không xem xét.

- Về án phí: Do các đương sự tự thoả thuận được với nhau nên án phí được giảm 50%, các đương sự chịu án phí cụ thể là:

+ Nguyên đơn anh Trần Đức K tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5, thành phố Hà Nội, theo Biên lai số 0019799 ngày 15/12/2025.

Nguyên đơn anh Trần Đức K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản chung được chia là **51.229.830 đồng** *(Năm mốt triệu hai trăm hai chín nghìn tám trăm ba mươi đồng).*

- Bị đơn chị Chu Thị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với phần tài sản chung được chia là **48.484.830 đồng** *(Bốn tám triệu bốn trăm tám mươi tư nghìn tám trăm ba mươi đồng*). Chị Chu Thị C đã nộp tạm ứng án phí là **58.000.000 đồng** *(Năm tám triệu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0011204 ngày 11/05/2026 tại Phòng Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội, nay được trả lại số tiền còn thừa là **9.515.170 đồng** *(Chín triệu năm trăm mười lăm nghìn một trăm bảy mươi đồng).*

4. Hiệu lực của quyết định: Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 5 – Hà Nội;
- THADS TP. Hà Nội;
- UBND xã K (nay là xã G), thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận kết hôn số 07, quyển số 2001 ngày 21/01/2001);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Thẩm phán

Nguyễn Thị Hồng Hạnh